TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST
Ngày: 22/01/2019
V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo
Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2/ Bà Nguyễn Thanh Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoài - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên .

Ngày 22/01/2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 412/2013/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2013, về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 397/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần Thời trang K**
Địa chỉ: 24/2 T, Phường A, Quận B, thành phố H
Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 – đại diện;
Cư trú: Số 15 đường số 8, khu phố 2, phường L, quận T, thành phố H.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư N – Văn phòng luật sư T thuộc đoàn luật sư thành phố H

Bị đơn: Bà **Phạm Duy Ngọc H,** sinh năm 1977;
Cư trú: 82A/22 P, Phường X, quận B, thành phố H;
Ủy quyền cho 1/ Ông Nguyễn Cao N, sinh năm 1964 - đại diện;
Cư trú: Số 3 lô E, đường số 9, khu X, Phường B, Quận C, thành phố H.
2/ Ông Võ Hoàng Trí V, sinh năm 1991 – đại diện;
Thường trú: Tổ 3, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Ngọc O, sinh năm 1958;
Cư trú: 212/190/2 N, phường T, Quận H, thành phố H.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Thời trang K là nguyên đơn trình bày: Công ty K có ký hợp đồng lao động với bà Phạm Duy Ngọc H vị trí nhân viên bán hàng phụ trách cửa hàng số 16 của công ty, công việc của bà H là quản lý cửa hàng, thu tiền bán hàng và về nộp lại cho kế toán công ty.

Ngày 09/8/2012, Công ty K phát hiện bà H đã tự ý giữ lại khoản tiền bán hàng của công ty mà không về nộp lại cho kế toán, cụ thể, khoản tiền bán hàng của tháng 7/2012 là 35.277.400 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm đồng); Khoản tiền bán hàng từ ngày 01/08/2012 đến ngày 09/08/2012 là 57.312.200 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm mười hai ngàn hai trăm đồng).

Ngày 10/8/2012, Công ty K tiến hành kiểm kê cửa hàng số 16 do bà H quản lý thì phát hiện thất thoát 337 sản phẩm với trị giá là 73.888.000 đồng (Bảy mươi ba triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng). Tổng số tiền và hàng hóa mà bà Hchiếm giữ của Công ty K trị giá 166.477.600 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm đồng). Sau đó bà H đã tự ý nghỉ việc và cũng không liên lạc với Công ty để giải quyết các khoản nợ trên.

Ngày 20/8/2012 đại diện của công ty liên hệ được với bà H tại địa chỉ 125/219 Đ, Phường 8, quận B là nhà của mẹ ruột bà H và giữa công ty và bà H đã lập biên bản, tại biên bản này bà H xác nhận chưa nộp tiền cho công ty và nêu ra lịch trình khắc phục khoản tiền cho công ty như sau: "… từ hôm nay ngày 20 tháng 8 đến 10 tháng 9 tôi sẽ hoàn trả cho công ty 30.000.000 đồng, số tiền còn lại tôi sẽ trả trong khoảng 24 tháng …". Ngày 29/08/2012, bà H cùng dì của bà H là bà O làm bản cam kết xác nhận các khoản tiền mà bà H chưa nộp về công ty cũng như số hàng bà H đã làm thất thoát, đồng thời nêu lịch trình thanh toán tiền cho công ty như sau: "Ngày 31/8/2012 hoàn trả 40.000.000 đồng; Ngày 15/9/2012 hoàn trả 52.589.600 đồng; Số lượng hàng hóa thất thoát tại cửa hàng 73.888.000 đồng tôi xin công ty xem xét giảm giá theo mức chiết khấu (vì số lượng hàng hóa thất thoát trong đó có hàng B và hàng giảm giá) tôi sẽ hoàn trả làm ba lần với số tiền bằng nhau vào các ngày 31/10/2012 ngày 15/11/2012 và ngày 31/12/2012".

Ngày 11/9/2012, ngày 21/9/2012, bà O đã thay cho bà H thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho Công ty K. Từ ngày 21/9/2012, bà H và bà O không thanh toán tiền cho Công ty K như bản cam kết, những hành vi trên của bà H đã gây ra nhiều mất mát, thiệt hại cho công ty K. Nay, Công ty K yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền đã là thất thoát là 146.477.600 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm đồng) cho Công ty K, thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty K không yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi.

Ông Nguyễn Cao N là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà H là nhân viên bán hàng nên không chịu trách nhiệm khi mất hàng hóa. Việc bà H ký vào biên bản ngày 20/8/2012 là do áp lực, sợ mất việc. Bà H không đồng ý thanh

toán số tiền là 146.477.600 đồng như yêu cầu khởi kiện của Công ty K, đồng thời Công ty K phải trả cho bà H 20.000.000 đồng mà bà O là dì của bà H đã trả cho Công ty K.

Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên hoà giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa đối với bà O là người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng phía bà O vẫn vắng mặt, không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bà H là bị đơn, đồng thời tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với ông N, ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà H, nhưng ông N, ông V vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả cho Công ty K số tiền bán hàng và số hàng hóa bà H chiếm dụng là 146.477.600 đồng và không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi, đồng thời không yêu cầu bà O chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả nợ cho nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu quan điểm: Tòa án đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty K với bà H, thì tranh chấp được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn cư trú tại 82A/22 P, Phường X, quận B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà H, ông N, ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà H; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là

bà O đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 26/11/2018, ngày 25/12/2018 và ngày 22/01/2019 nhưng bà H, ông N, ông V, bà O vắng mặt không có lý do, như vậy bà bà H, ông N, ông V, bà O đã tự tước đi quyền lợi trình bày và tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà bà H, ông N, ông V và bà O.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 146.477.600 đồng mà bị đơn đã bán hàng và làm thất thoát hàng chưa nộp lại cho nguyên đơn, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản ngày 20/8/2012 và bản cam kết ngày 29/8/2012 bị đơn xác nhận trong quá trình bán hàng bị đơn chưa nộp tiền cho công ty là 92.589.600 đồng và làm thất thoát hàng hóa 337 sản phẩm được quy thành tiền là 73.888.000 đồng và cam kết sẽ trả đầy đủ số tiền chưa nộp và làm thất thoát hàng cho nguyên đơn như sau: Ngày 31/8/2012 thanh toán 40.000.000 đồng; Ngày 15/9/2012 thanh toán 52.589.600 đồng. Đối với số tiền làm thất thoát hàng hóa là 73.888.000 đồng thì sẽ thanh toán hết số tiền vào các ngày 31/10/2012, ngày 15/11/2012 và ngày 31/12/2012. Do đó có cơ sở xác định bị đơn chưa nộp số tiền bán hàng cho nguyên đơn là 92.589.600 đồng và làm thất thoát hàng hóa 337 sản phẩm được quy thành tiền là 73.888.000 đồng. Theo phiếu thu ngày 11/9/2012 và ngày 21/9/2012 thể hiện bà O đã thanh tóan số tiền 20.000.000 đồng thay cho bị đơn. Trong quá trình thực hiện cam kết bị đơn đã không thực hiện đúng như thỏa thuận với nguyên đơn. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 286, khoản 1 Điều 290, khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.2] Xét lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn ký vào biên bản ngày 20/8/2012 là do nguyên đơn gây áp lực, sợ mất việc nhưng phía bị đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn bị nguyên đơn tạo áp lực, đồng thời bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại phiên toà để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình. Đồng thời tại biên bản phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đại diện ủy quyền của bị đơn là ông V có lời trình bày, ông V không có căn cứ để trả lời về các yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn, vì ông V chưa nhận được tài liệu của nguyên đơn cung cấp, nên không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự có nghĩa vụ gửi cho đương sự khác hoặc người đại diện của họ bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ; Trường hợp vì lý do chính đáng không thể sao chụp, gửi đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ thì họ có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ; Trường hợp này phía nguyên đơn chưa cung cấp tài liệu cho đại diện bị đơn. Tuy nhiên, ngày

7/10/2013, bị đơn đã có Đơn xin photo hồ sơ vụ án và ngày 27/11/2013 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông N đã có đơn xin photo hồ sơ vụ án và đồng thời tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án đã cũng công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho các đương sự; Do vậy, việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng không có căn cứ để trả lời về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 146.477.600 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 286, khoản 1 Điều 290, khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Phạm Duy Ngọc H thanh toán số tiền là 146.477.600 (một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm) đồng cho Công ty cổ phần Thời trang K, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty Công ty cổ phần Thời trang K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa thi hành xong việc trả tiền nêu trên, thì bà H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Duy Ngọc H phải chịu án phí là 7.323.880 đồng, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.161.940 đồng cho Công ty cổ phần Thời trang K theo biên lai thu số 00623 ngày 12/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Công ty cổ phần Thời trang K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Duy Ngọc H, bà Phạm Ngọc O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận B;
-THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Thảo